TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2025/DS-ST
Ngày: 11-9-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Nghiêm

2. Bà Trần Thị Chiếm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Ngân – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thanh Thuý – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 229/2025/TLST – DS ngày 19 tháng 5 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2025/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Ông Phan Văn Th, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh Long An (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh).

2. Bà Mai Thị Phương Th, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Ấp 2, xã N, huyện T, tỉnh Long An (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh).

Người đại diện hợp pháp theo uỷ quyền của ông Phan Văn Th và bà Mai Thị Phương Th: ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1975, địa chỉ liên hệ: Số 27 A, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ: Số 27 A, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh) (Theo văn bản uỷ quyền ngày 07/3/2025). (có mặt)

Bị đơn:

1. Ông Mai Văn Hoàng L, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số 419 khu phố B, phường T, tỉnh Tây Ninh (địa chỉ cũ: Số 419 ấp B, xã N, thành phố T, tỉnh Long An). (có mặt)

2. Bà Huỳnh Tuyết N, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Số 25 Nguyễn D, phường L, tỉnh Tây Ninh (địa chỉ cũ: Số 25 Nguyễn D, Phường 1, thành phố T, tỉnh Long An). (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ghi ngày 28 tháng 02 năm 2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phan Văn Th và bà Mai Thị Phương Th do ông Nguyễn Văn T là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền trình bày: ngày 14/01/2023 ông Phan Văn Th và bà Mai Thị Phương Th có cho ông Mai Văn Hoàng L và bà Huỳnh Tuyết N và số tiền 900.000.000 đồng, có làm Giấy vay tiền, thoả thuận lãi suất 1%/tháng, lãi suất chậm trả là 1,5%/tháng, thời hạn vay là 60 ngày kể từ ngày 14/01/2023; mục đích vay là tiêu dùng cá nhân. Từ khi cho ông Th và bà Th cho ông L và bà N vay tiền thì ông L và bà N chưa trả cho ông Th và bà Th khoản tiền nợ gốc và lãi nào.

Khi đến thời hạn thanh toán ngày 15/3/2023, ông Th và bà Th có nhiều lần yêu cầu ông L và bà N trả lại số tiền đã vay nhưng ông L và bà N vẫn không trả lại số tiền đã vay cho ông Th và bà Th.

Ông đại diện ông Th và bà Th yêu cầu ông Mai Văn Hoàng L và bà Huỳnh Tuyết N liên đới trả cho ông Phan Văn Th và bà Mai Thị Phương Th số tiền nợ vay gốc và lãi là 1.210.200.000 đồng, trong đó tiền nợ gốc vay là 900.000.000 đồng, tiền lãi chậm trả tính từ ngày 16/3/2023 đến ngày 16/02/2025, theo mức lãi suất đã thoả thuận 1,5%/tháng là 310.500.000 đồng, yêu cầu trả một lần số nợ nêu trên.

* Bị đơn ông Mai Văn Hoàng L trình bày tại phiên toà: Trước đây ông được bạn bè giới thiệu ông Phan Văn Th là Giám đốc Ngân hàng TMCP Q chi nhánh Chợ Lớn, sau đó ông có vay tiền tại Ngân hàng này số tiền là 2.500.000.000 đồng. Đến đợt dịch covid-19 thì do giãn cách nên ông không đi đóng tiền lãi cho Ngân hàng được. Lúc này ông Phan Văn Th có đóng tiền lãi thay cho ông. Ông không xác định được khoản tiền lãi ông Th đã đóng dùm cho ông là bao nhiêu. Sau đó tới thời điểm cách đây hơn 01 năm lúc đó ông bị bệnh tai biến, khi mới xuất viện về nhà sức khỏe yếu lơ mơ không rõ sự việc thì ông Th đến nhà cầm tay ông ký tên, lúc đó ông không biết văn bản ký tên có nội dung gì. Nay ông Th khởi kiện yêu cầu ông trả số tiền gốc 900.000.000 đồng và tiền lãi, ông không đồng ý, ông yêu cầu Ngân hàng TMCP Q sao kê số tiền lãi mà ông Th đã đóng giúp ông. Ông đồng ý trả cho ông Th số tiền khoảng 700.000.000 đồng mà ông Th đã đóng lãi cho Ngân hàng giúp ông và đồng ý trả lãi cho ông Th theo lãi suất Ngân hàng. Ông xác định chữ ký, chữ viết tên "Mai Văn Hoàng L" và chữ viết nội dung "hôm nay ngày 14/01/2023 tôi đã nhận đủ số tiền 900.000.000đ (bằng chữ: chín trăm triệu đồng)" trong Giấy vay tiền ngày 14/01/2023 đúng là chữ ký, chữ viết của ông nhưng do ông Th cầm tay ông viết.

* Tại phiên tòa: đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà Huỳnh Tuyết N trả nợ cho ông Phan

Văn Th và bà Mai Thị Phương Th. Ông không đồng ý với lời trình bày của bị đơn ông Mai Văn Hoàng L, ông L xác định chữ ký và chữ viết trong Giấy vay tiền ngày 14/01/2023 là của ông L thể hiện việc ông L vay số tiền 900.000.000 đồng của ông Th và bà Th là tự nguyện. Đồng thời, trong Giấy vay tiền, ông L có ghi nội dung xác nhận đã nhận đủ số tiền 900.000.000 đồng. Vì vậy việc ông L cho rằng không có vay tiền của ông Th là không có căn cứ. Ông đại diện nguyên đơn ông Phan Văn Th và bà Mai Thị Phương Th chỉ yêu cầu ông Mai Văn Hoàng L trả số tiền nợ gốc và lãi là 1.210.200.000 đồng.

* Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án cho rằng:

Về tố tụng: Thẩm phán tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm phán chấp hành đúng theo quy định Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đều tuân theo quy định pháp luật tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng theo quy định pháp luật. Đối với bị đơn vắng mặt không có lý do nên Toà án đưa vụ án ra xét xử là phù hợp theo Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ nhận thấy: ngày 14/01/2023 ông Phan Văn Th, bà Mai Thị Phương Th có lập viết giấy vay tiền cho ông Mai Văn Hoàng L và bà Huỳnh Tuyết N mượn số tiền 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng) và cam kết sẽ trả sau 60 ngày kể từ ngày ký hợp đồng (tức ngày 14/01/2023), lãi suất thỏa thuận 1%/tháng. Ngoài ra còn thỏa thuận hết thời gian trả nợ mà ông L, bà N chưa trả thì phải chịu mức lãi suất 1.5 %/tháng.

Nhận thấy trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án ông L, bà N được tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng liên quan đến vụ án nhưng đến nay bà N vẫn không có bất kỳ ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của ông Th, bà Th về việc buộc ông bà phải trả số tiền 1.210.200.000 đồng (trong đó nợ gốc là 900.000.000 đồng) cho thấy yêu cầu khởi kiện của ông Th, bà Th là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự. Ngoài ra tại phiên Tòa hôm nay đại diện nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu về việc buộc bà N liên đới cùng ông L trả nợ cho ông Th, bà Th là tự nguyện, do đó cần đình chỉ đối với phần yêu cầu yêu cầu này của của nguyên đơn theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: ông Phan Văn Th và bà Mai Thị Phương Th có đơn khởi kiện đối với ông Mai Văn Hoàng L và bà Huỳnh Tuyết N về yêu cầu trả số nợ vay trong hợp đồng vay tài sản làm phát sinh vụ án tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Mai Văn Hoàng L và bà Huỳnh Tuyết N có nơi cư trú tại Phường 1 và xã N, thành phố T, tỉnh Long An (nay là phường L và phường T, tỉnh Tây Ninh) nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An (nay là Toà án nhân dân khu vực 1 - Tây Ninh).

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, bà Huỳnh Tuyết N đã được Tòa án thực hiện thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Huỳnh Tuyết N.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét yêu cầu của ông Phan Văn Th và bà Mai Thị Phương Th về việc yêu cầu ông Mai Văn Hoàng L trả tiền gốc vay là 900.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ông Phan Văn Th và bà Mai Thị Phương Th cung cấp Giấy vay tiền ngày 14/01/2023 và cho rằng chữ ký, chữ viết tên "Mai Văn Hoàng L" và chữ viết nội dung "hôm nay ngày 14/01/2023 tôi đã nhận đủ số tiền 900.000.000đ (bằng chữ: chín trăm triệu đồng)" trong Giấy vay tiền ngày 14/01/2023 là của ông Mai Văn Hoàng L. Ông Mai Văn Hoàng L xác định chữ ký, chữ viết tên "Mai Văn Hoàng L" và chữ viết nội dung "hôm nay ngày 14/01/2023 tôi đã nhận đủ số tiền 900.000.000đ (bằng chữ: chín trăm triệu đồng)" trong Giấy vay tiền ngày 14/01/2023 là của ông. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông L cho rằng ông L bị ông Th cầm tay ký và viết các nội dung trên vào Giấy vay tiền ngày 14/01/2023 chứ không biết nội dung văn bản là gì và cũng không có vay tiền của ông Th. Ông L xác định ông chỉ có nhờ ông Th đóng tiền lãi Ngân hàng dùm ông và chỉ đồng ý trả cho ông Th số tiền ông Th đã đóng lãi Ngân hàng dùm cho ông là khoảng 700.000.000 đồng nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh việc mình bị ép buộc ký tên vào Giấy vay tiền, không xuất trình được chứng cứ chứng minh việc ông Th đóng tiền lãi thay ông có liên quan đến nội dung Giấy vay tiền ngày 14/01/2023. Vì vậy, có căn cứ xác định giữa ông Phan Văn Th, bà Mai Thị Phương Th và ông Mai Văn Hoàng L đã xác lập với nhau hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463, Điều 470 Bộ luật Dân sự. Cụ thể giao dịch vay tiền như sau: số tiền ông Mai Văn Hoàng L vay của ông Phan Văn Th và bà Mai Thị Phương Th là 900.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày 14/01/2023, lãi suất thoả thuận là 1%/tháng, lãi suất chậm trả là 1,5%/tháng. Từ khi vay tiền đến nay, ông L chưa trả khoản tiền gốc và lãi nào cho ông Th và bà Th, nên đến nay ông L còn nợ ông Th và bà Th số tiền gốc vay là 900.000.000 đồng.

Do ông L không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình nên ông Th và bà Th yêu cầu ông L phải thanh toán nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Dân sự. Thời điểm xác lập hợp đồng là vào năm 2023 nên áp dụng các quy định của chế định hợp đồng vay tài sản của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết. Do vậy, xác định đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi theo quy định tại Điều 463, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Việc ông L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông Th và bà Th đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay trong hợp đồng vay làm cho quyền lợi về tài sản của ông Th và bà Th bị thiệt hại theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên yêu cầu khởi kiện của ông Th và

bà Th là có căn cứ chấp nhận, buộc ông L phải có nghĩa vụ trả cho ông Th và bà Th tổng số tiền nợ gốc là 900.000.000đ (Chín trăm triệu đồng).

[3.2] Về tính lãi: Xét yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn Th và bà Mai Thị Phương Th yêu cầu ông Mai Văn Hoàng L thanh toán tiền lãi do chậm trả với lãi suất 1,5%/tháng trên số tiền 900.000.000 đồng từ ngày 16/3/2023 đến ngày 16/02/2025, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ông Th và bà Th xác định ông L chưa trả cho khoản tiền lãi nào. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, người đại diện nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu giải quyết phần tiền lãi trong thời hạn vay của hợp đồng (từ ngày 14/01/2023 đến ngày 14/03/2023) nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông Th và bà Th yêu cầu ông L trả tiền lãi chậm trả từ ngày 16/3/2023 đến ngày 16/02/2025 theo mức lãi suất 1,5%/tháng trên số tiền 900.000.000 đồng là 310.500.000 đồng. Mức lãi suất quá hạn các bên thoả thuận trong Giấy vay tiền ngày 14/01/2023 là 1,5%/tháng là đúng theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 và Nghị quyết 01/2019 /NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, và được tính như sau: 900.000.000 đồng x 01 năm 11 tháng x 1.5%/tháng = 310.500.000 đồng. Như vậy, ông Th và bà Th yêu cầu ông L thanh toán tiền lãi quá hạn với tổng số tiền 310.500.000đ (Ba trăm mười triệu năm trăm nghìn đồng) là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Tại phiên toà, ông Nguyễn Văn T đại diện nguyên đơn ông Phan Văn Th và bà Mai Thị Phương Th rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà Huỳnh Tuyết N liên đới cùng ông Mai Văn Hoàng L trả nợ cho ông Th và bà Th. Đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu mà ông Th và bà Th đã rút.

[4] Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa về thủ tục tố tụng và nội dung vụ án là có căn cứ, Hội đồng xét xử xét chấp nhận.

[5] Về án phí: ông Phan Văn Th và bà Mai Thị Phương Th yêu cầu ông Mai Văn Hoàng L có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc vay, tiền lãi được Tòa án chấp nhận toàn bộ, nên theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Mai Văn Hoàng L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với mức thu là 48.315.000đ (Bốn mươi tám triệu ba trăm mười lăm nghìn đồng). Ông Phan Văn Th và bà Mai Thị Phương Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn tạm ứng án phí cho ông Phan Văn Th và bà Mai Thị Phương Th.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 267; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn Th và bà Mai Thị Phương Th về việc yêu cầu ông Mai Văn Hoàng L trả số tiền gốc vay và lãi.

Buộc ông Mai Văn Hoàng L có nghĩa vụ trả cho ông Phan Văn Th và bà Mai Thị Phương Th số tiền nợ gốc vay là 900.000.000đ (Chín trăm triệu đồng), tiền lãi là 310.500.000đ (Ba trăm mười triệu năm trăm nghìn đồng), tiền lãi là 310.500.000đ (Ba trăm mười triệu năm trăm nghìn đồng). Tổng cộng tiền nợ gốc và nợ lãi là 1.210.500.000đ (Một tỷ hai trăm mười triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn Th và bà Mai Thị Phương Th về việc yêu cầu bà Huỳnh Tuyết N liên đới cùng ông Mai Văn Hoàng L trả nợ cho ông Phan Văn Th và bà Mai Thị Phương Th.

3. Về án phí: ông Mai Văn Hoàng L phải chịu 48.315.000đ (Bốn mươi tám triệu ba trăm mười lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phan Văn Th và bà Mai Thị Phương Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Phan Văn Th và bà Mai Thị Phương Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 24.157.500đ (Hai mươi bốn triệu một trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000110 ngày 14/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Long An (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Tây Ninh).

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 1 – Tây Ninh;
- Các đương sự;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Cẩm Nhung